

**CÔNG TY TNHH MINA FARM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINA FARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINA FARM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINA FARM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110769616

**3. Ngày thành lập:** 01/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 ngách 178/15 Ý La, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0328466494

Fax:

Email: [minaorganicvn@gmail.com](mailto:minaorganicvn@gmail.com)

Website: [Minaorganic.vn](http://Minaorganic.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                               | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                 | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                            | 0113        |
| 4.  | Trồng cây mía                                           | 0114        |
| 5.  | Trồng cây lấy sợi                                       | 0116        |
| 6.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                               | 0117        |
| 7.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                    | 0118(Chính) |
| 8.  | Trồng cây hàng năm khác                                 | 0119        |
| 9.  | Trồng cây ăn quả                                        | 0121        |
| 10. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                              | 0122        |
| 11. | Trồng cây điều                                          | 0123        |
| 12. | Trồng cây hồ tiêu                                       | 0124        |
| 13. | Trồng cây cao su                                        | 0125        |
| 14. | Trồng cây cà phê                                        | 0126        |
| 15. | Trồng cây chè                                           | 0127        |
| 16. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | 0128        |
| 17. | Trồng cây lâu năm khác                                  | 0129        |
| 18. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                     | 0131        |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                      | 0132        |
| 20. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                           | 0150        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                            | 0161        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                         | 0163        |
| 23. | Xử lý hạt giống để nhân giống                           | 0164        |

|     |                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                  | 1030 |
| 25. | Sản xuất chè                                                                                                                                                  | 1076 |
| 26. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                               | 1077 |
| 27. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                 | 4610 |
| 28. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ bán buôn động vật sống)                                                        | 4620 |
| 29. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                | 4631 |
| 30. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                            | 4632 |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                        | 4653 |
| 32. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp               | 4669 |
| 33. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                  | 4690 |
| 34. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                          | 4711 |
| 35. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                            | 4719 |
| 36. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4721 |
| 37. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4722 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 39. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                              | 4781 |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                       | 4789 |
| 41. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                            | 4791 |
| 42. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                       | 4799 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐOÀN CÔNG ĐIỀN Giới tính: Nam  
Sinh ngày: 10/07/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087051595  
Ngày cấp: 03/05/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Thăng Lợi, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7 ngách 178/15 Ý La, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN CÔNG ĐIỀN Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 10/07/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001087051595  
Ngày cấp: 03/05/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Thăng Lợi, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7 ngách 178/15 Ý La, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội